TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 764/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Tiêu Kim Thuận.
2/ Ông Trần Phú Nhuận.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 689/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 278/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1978 *(xin vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số 281 Đường H, Phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:
Ông Phạm Xuân B, sinh năm 1978 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số 281 Đường H, Phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 28 tháng 9 năm 2018 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Anh T trình bày: Bà và ông Phạm Xuân B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận

M, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, ông B ham mê chơi game, thường xuyên nhậu nhẹt về khuya, nhiều khi qua đêm không về nhà. Sống không có trách nhiệm với vợ con, thiếu tôn trọng bà và bà không thể tiếp tục chịu đựng được những hành động và thái độ của ông B nữa. Tình cảm đối với nhau không còn, nên bà đặt yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn K, sinh ngày 10/9/2011. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/01 tháng, bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Về án phí: Bà T xin chịu toàn bộ án phí.

Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Bị đơn ông Phạm Xuân B:* Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có lời khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ, do ông B vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải; vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Anh T có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông Phạm Xuân B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Xét đơn khởi kiện tranh chấp "Ly hôn" của nguyên đơn bà T với bị đơn ông B, do bị đơn ông B cư trú tại Quận M (*theo kết quả trả lời xác minh ngày 19/7/2019 của công an Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh)*, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn ông B, nhưng bị đơn ông B vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về phía nguyên đơn bà T cũng có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông B theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 107 Quyển số 01/2010 ngày 30/12/2010 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định bà T và ông B là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đặt yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo bà T trình bày ông B sống không có trách nhiệm với gia đình, tình cảm của bà đối với ông B không còn, bà xin được ly hôn. Về phía ông B trong suốt quá trình thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông B cũng không đến Tòa để hòa giải, qua đó chứng tỏ tình cảm của ông B đối với bà T cũng không còn, nên ông cũng không tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân đang tồn tại, là có cơ sở phù hợp với lời khai của bà T về mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, nếu mối quan hệ hôn nhân của bà T và ông B có tiếp tục tồn tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà T, xét xử cho bà T được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn K, sinh ngày 10/9/2011. Khi ly hôn bà T xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/01 tháng, bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Xét thấy, bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, trẻ là bé gái giao cho bà T trực tiếp nuôi sẽ thuận tiện trong việc nuôi dạy con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ thành niên. Xét thấy, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Dịch Vụ Thiết Kế H do ông Phạm Xuân B là giám đốc đại diện theo pháp luật có cơ sở xác định ông B có khả năng cấp dưỡng nuôi con, trong khi số

tiền bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cũng không lớn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có, nên không có gì để Tòa án không xem xét.

- Về nợ: Theo bà T khai không có, nên không có gì để Tòa giải quyết.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

+ *Về hôn nhân và gia đình:* 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà T chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0016434 ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con:* 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bị đơn ông B chịu. Nhưng có bà T tự nguyện chịu thay.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Anh T về việc tranh chấp "Ly hôn" với bị đơn ông Phạm Xuân B,

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Anh T được ly hôn với ông Phạm Xuân B.

1.2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn K, sinh ngày 10/9/2011. Ông Phạm Xuân B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Ông Phạm Xuân B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.3. Về tài sản chung: Theo đương sự khai không có.

1.4. Về nợ: Theo đương sự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ *Về hôn nhân và gia đình:* 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà T chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0016434 ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con:* 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bị đơn ông B chịu. Nhưng có bà T tự nguyện chịu thay.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Anh T và ông Phạm Xuân B, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND Q.10;
-THADS Q.10;
- UBND P.B Q.M
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Chinh